

# APPLYING FOLK SONGS AND PROVERBS TO THE TEACHING OF MARXIST - LENINIST PHILOSOPHY AT UNIVERSITIES AND COLLEGES

**Hoang Thi Thao<sup>a</sup>**

**Vu Hoang Oanh<sup>b</sup>**

<sup>a</sup>Thanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism

Email: [hoangthithao@dvttdt.edu.vn](mailto:hoangthithao@dvttdt.edu.vn)

<sup>b</sup>Thanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism

Email: [vuhoangoanh@dvttdt.edu.vn](mailto:vuhoangoanh@dvttdt.edu.vn)

Received: 10/01/2022

Reviewed: 11/01/2022

Revised: 13/01/2022

Accepted: 18/01/2022

Released: 25/01/2022

*Applying folk songs and proverbs to the teaching of Marxist-Leninist philosophy at universities and colleges nowadays is one of the most necessary ways to help students achieve the full knowledge of Philosophy in the most vivid way. Thereby, that increases the persuasion and value of Marxist - Leninist philosophy for students, stimulating interest and passion in researching and studying this subject; affirming the practical value, the close attachment of philosophy to human life; providing students with a scientific method, cognitive capacity and social reality.*

**Key words:** Folk song and proverbs; application in the teaching Marxist-Leninist philosophy.

## 1. Đặt vấn đề

Ca dao, tục ngữ (CDTN) Việt Nam là sản phẩm văn hóa tinh thần, phản ánh rõ nét đời sống vật chất và tinh thần của người dân lao động. Cho đến nay đã trở thành một kho tàng có tính lý luận phong phú, đa dạng. Việc nghiên cứu, kế thừa những yếu tố tích cực, tiến bộ trong ca dao, tục ngữ Việt Nam có ý nghĩa lý luận và thực tiễn trong việc giữ gìn và phát triển tư tưởng đạo đức, lối sống nhân văn, thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam nói chung và việc giảng dạy môn Triết học nói riêng. Triết học Mác - Lênin là khoa học trừu tượng, mang tính lý luận. Ca dao, tục ngữ Việt Nam là những tri thức kinh nghiệm, mang tính triết lý, trau chuốt về mặt nội dung, sinh động mà truyền cảm, rất dễ đi vào lòng người. Do đó, nếu vận dụng ca dao, tục ngữ Việt Nam vào học tập và giảng dạy triết học Mác - Lênin chính là đơn giản hóa cái trừu tượng, làm cho nội dung kiến thức triết học truyền đạt đến người học trở nên nhẹ nhàng, dễ nhớ, dễ hiểu hơn rất nhiều. Có thể nói, ca dao, tục ngữ là thứ “thuốc dẫn” giúp người học hiểu về triết học tốt và sâu hơn.

## 2. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

Trong lịch sử phát triển của văn học dân gian Việt Nam, ca dao, tục ngữ được coi là sự đúc kết triết lý sống, kỹ năng ứng xử của người dân. Cho đến nay, những công trình nghiên cứu về ca dao, tục ngữ Việt Nam ngày càng nhiều hơn. Việc sưu tầm và xuất bản những cuốn sách về ca dao, tục ngữ Việt Nam có ý nghĩa lớn đối với sự nghiệp bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Có thể kể đến một số công trình nghiên cứu liên quan như sau: Tác giả Xuân Tùng (2008) trong cuốn sách *Tục ngữ, ca dao Việt Nam* [5] đã trình bày những câu tục ngữ về kinh nghiệm xử thế, kinh nghiệm dự đoán thời tiết, kinh nghiệm sản xuất, quan hệ gia đình, kinh nghiệm ẩm thực; và những câu ca dao theo từng nội dung: Ca dao về lao động sản xuất, tình cảm bạn bè, tình yêu hôn nhân, tình yêu và lòng tự hào về quê hương, đất nước. Trong cuốn sách *Tục ngữ, ca dao Việt Nam* [4] tác giả Nguyễn Ngọc Hà (2014) đã sưu tầm và tuyển chọn những câu ca dao, tục ngữ điển hình rất hay, rất ý nghĩa trong kho tàng ca dao, tục ngữ Việt Nam. Để giúp người đọc dễ dàng tiếp cận và nghiên cứu, tác giả đã sắp xếp các câu ca dao, tục ngữ theo từng chủ đề. Đây là một tài liệu tham khảo rất ý nghĩa và hữu ích cho những ai muốn đọc và tìm hiểu về ca dao, tục ngữ Việt Nam.

Nghiên cứu về ca dao, tục ngữ Việt Nam không thể không nói đến bộ sách mới nhất có tên *Thành ngữ - tục ngữ - ca dao - dân ca Việt Nam* [3] của Đặng Hà (2014). Tác giả đã dày công sưu tầm, tuyển chọn, hệ thống hóa và sắp xếp lại những thành ngữ - tục ngữ - ca dao - dân ca Việt Nam theo bốn chủ đề lớn vào bốn tập sách: về tình cảm gia đình; về kinh nghiệm ứng xử; về thiên nhiên và lao động sản xuất; về cảnh đẹp quê hương đất nước. Có thể nói, bộ sách có ý nghĩa rất thiết thực tạo tiền đề cho việc nghiên cứu về đời sống tinh thần người Việt, đồng thời đóng góp một phần không nhỏ cho việc lưu giữ bảo tồn nền văn học dân gian Việt Nam. *Đạo làm người trong tục ngữ, ca dao Việt Nam* [1] của tác giả Nguyễn Nghĩa Dân (2000) là cuốn sách đã sưu tầm hàng nghìn câu ca dao, tục ngữ Việt Nam về đạo làm người. Ở cuốn sách này, tác giả đã trình bày đặc điểm của ca dao, tục ngữ Việt Nam về đạo làm người; Phân loại các nội dung ca dao, tục ngữ Việt Nam về đạo làm người; Giúp bạn đọc nhận thức và vận dụng những kinh nghiệm sống của ông cha để lại, kết hợp đạo lý truyền thống của dân tộc với đạo đức cách mạng trong tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm xây dựng nhân cách con người Việt Nam hiện đại góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay.

Các công trình nêu trên là kết quả sưu tập và nghiên cứu ca dao, tục ngữ Việt Nam từ các cách tiếp cận trên nhiều khía cạnh, phương diện khác nhau cả về nội dung, lẫn hình thức nghệ thuật. Những công trình đó rất có giá trị, giúp ích nhiều cho việc nghiên cứu trong ca dao, tục ngữ Việt Nam vận dụng vào giảng dạy môn Triết học Mác - Lênin trong các trường chuyên nghiệp hiện nay.

## 3. Phương pháp nghiên cứu

Để phân tích vận dụng ca dao, tục ngữ vào trong quá trình giảng dạy môn triết học Mác - Lênin tác giả đã sử dụng nguyên tắc phương pháp luận biện chứng duy vật, sử dụng rộng rãi các phương pháp nghiên cứu như thống nhất lịch sử - lôgic, phân tích và tổng hợp, quy nạp và diễn dịch, khái quát hóa, trừu tượng hóa và chú giải học...

#### 4. Kết quả nghiên cứu

##### 4.1. Vận dụng ca dao, tục ngữ để minh họa cho phần chương 1 chủ nghĩa duy vật biện chứng trong triết học

Trong chương này, có rất nhiều kiến thức triết học mang tính khái quát và trừu tượng, tuy nhiên cũng mang tính ứng dụng trong cuộc sống hàng ngày.

##### 4.1.1. Quan điểm duy vật, biện chứng

Về nguồn gốc của con người, ngay từ xa xưa, khi trình độ tư duy khái quát chưa cao, khả năng nhìn nhận vấn đề chưa bao quát, vậy mà những người Việt đã có sự nhìn nhận, đánh giá rất sâu sắc về con người. Con người không phải là thực thể tách khỏi hoàn toàn giới tự nhiên mà bản thân con người là một phần của giới tự nhiên. *Người ta là hoa đất* [2; 139] là tư tưởng thể hiện một triết lý sâu sắc - con người là tinh hoa của đất trời, là một thực thể phát triển cao của giới tự nhiên, luôn gắn kết với giới tự nhiên. Đây không chỉ là quan điểm duy vật mà còn thể hiện tư tưởng biện chứng của ông cha ta về con người, nguồn gốc tự nhiên của con người. Khi giảng về chủ nghĩa duy vật, giáo viên có thể lựa chọn những câu ca dao, tục ngữ thể hiện những quan điểm duy vật chất phác lý giải nguồn gốc của thể giới: *Ai là người sinh ra mặt đất?/Ai là người tạo ra bầu trời?/ Bà Chày sinh ra mặt đất/ Ông Chày sinh ra bầu trời* [2; 27].

Từ sự quan sát các hiện tượng tự nhiên trong đời sống thường ngày, người Việt Nam đã thấy được sự tác động qua lại giữa các sự vật hiện tượng, có sự ràng buộc nhất định giữa chúng. Đó chính là mối liên hệ phổ biến, tính nhân quả, sự vận động và phát triển không ngừng của thể giới tự nhiên, xã hội: *Có nước mới có dòng có nhà mới có bản, có bản mới che chở cho nhà* [1; 245] hoặc là: *Không ai giàu ba họ, không ai khó ba đời* [1; 285].

Nhờ có phương pháp tư duy biện chứng và khả năng quan sát tinh tế mà người Việt Nam đã đúc rút được kinh nghiệm, dự đoán về thời tiết, khí hậu khá chính xác nhằm phục vụ cho lao động sản xuất và cuộc sống của mình. Mặt khác, tư duy biện chứng giúp cho họ thích nghi với hoàn cảnh, hạn chế đến một mức độ nhất định thiệt hại do hiện tượng tự nhiên gây ra.

Hoặc khi giảng về phần quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất, ý thức, chủ nghĩa duy vật cho rằng vật chất quyết định ý thức nhưng ý thức cũng có thể tác động lại vật chất thông qua hoạt động có ý thức của con người, giảng viên có thể sử dụng những câu mang tính chất điển hình như: *Có thực mới vực được đạo* [2; 61]... Đó là những minh chứng cho triết lý mang tính duy vật biện chứng của nhân dân ta, mặc dù những quan điểm này còn mộc mạc, chất phác. Bên cạnh đó tục ngữ, ca dao còn thấy vai trò tác động của yếu tố tinh thần, ý thức đối với vật chất: *Một người hay lo bằng kho người làm* [2; 128] hoặc *Có chí làm quan có gan làm giàu* [2; 59].

Ca dao, tục ngữ cũng phản ánh rõ nét tính năng động, sáng tạo của người nông dân Việt Nam trong việc chế ngự sức mạnh của tự nhiên và cải biến thể giới xung quanh cho phù hợp với nhu cầu, mục đích của mình: *Vắt đất ra nước thay trời làm mưa* [4; 185].

##### 4.1.2. Quan điểm duy tâm, siêu hình trong triết học

Bên cạnh những quan niệm mang tính duy vật chất phác, người Việt xưa cũng có quan niệm mang tính duy tâm rõ nét khi thần thánh hóa sức mạnh của Trời. Trong quan hệ với

“Trời”, người là đối tượng bị phụ thuộc, không ai có thể đoán được ý trời: *Người tính không bằng trời tính* [4; 175]. “Trời” đại diện cho công lý, cho công bằng xã hội: *Trời nào có dung kẻ gian, có oán người ngay* [1; 333].

Vì trình độ nhận thức còn hạn chế, chưa nắm bắt được quy luật chi phối sự phát sinh, phát triển của các sự vật hiện tượng, cho nên người lao động đã giải thích các sự vật hiện tượng trong thế giới một cách siêu hình: *Cây khô thì lá cũng khô/Phận nghèo đi đến nơi mô cũng nghèo* [1; 172] hoặc là: *Con vua thì lại làm vua/Con sãi ở chùa lại quét lá đũa* [2; 63] (Quan niệm duy tâm về số phận con người, xem con người có số phận). *Cha mẹ sinh con trời sinh tính* [1; 163] (Phủ nhận môi trường giáo dục gia đình, cho rằng tính người do trời định).

#### **4.2. Sử dụng ca dao, tục ngữ để minh họa cho phần chương 2 phép biện chứng duy vật**

##### **4.2.1. Những nguyên lý**

Khi giảng về nguyên lý mối liên hệ phổ biến của phép biện chứng duy vật, triết học Mác - Lênin khẳng định mối liên hệ đa dạng, nhiều vẻ diễn ra trong tự nhiên, xã hội và tư duy con người. Trong thế giới không có sự vật, hiện tượng nào tồn tại độc lập, tách rời nhau; giữa chúng luôn có sự tác động qua lại, ảnh hưởng và chi phối lẫn nhau, nên khi nghiên cứu sự vật phải đặt nó trong sự thống nhất biện chứng của thế giới. *Vì sương nên núi bạc đầu/ Cây lay bởi gió, hoa sầu bởi mưa* [4; 285]; *Há miệng mắc quai* [2; 97]; *Rút dây động rừng* [2; 164]. Qua các câu ca dao, tục ngữ trên sinh viên nắm bắt được ngay bản chất của các tri thức triết học phản ánh về mối liên hệ phổ biến trong tri thức Triết học Mác - Lênin

Sự vật, hiện tượng luôn nằm trong quá trình vận động, phát triển. Quá trình vận động, phát triển luôn mang tính khách quan, tính phổ biến và tính đa dạng phong phú. Ca dao, tục ngữ cũng nói tới các tính chất này của sự phát triển: *“Tre già măng mọc”* [2; 190], *“Con hơn cha là nhà có phúc”* [2; 162], *“Có chí thì nên”* [2; 59],...

##### **4.2.2. Các cặp phạm trù**

Việc lựa chọn và sử dụng ca dao - tục ngữ về các cặp phạm trù triết học giúp sinh viên nắm được ý nghĩa của các câu ca dao, tục ngữ mà các em hay dùng hàng ngày nhưng có khi lại không hiểu hết ý nghĩa của nó đồng thời hiểu được bản chất của các cặp phạm trù triết học, từng bước nắm vững tri thức cơ bản của Triết học một cách nhẹ nhàng, từ đó sẽ nâng cao ý thức học tập Triết học Mác - Lênin tự giác, tích cực hơn

##### **\* Cái chung và cái riêng**

Mối quan hệ giữa cái riêng và cái chung trong tục ngữ được thể hiện như là sự gắn bó và phân biệt giữa cá thể và loài trong thế giới sinh vật: *Lòng vả cũng như lòng sung/một trăm con lợn cũng chung một lòng* [2; 119]. Quan hệ giữa cái chung và cái riêng còn được thể hiện qua câu ca dao: *Bầu ơi thương lấy bí cùng/Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn* [2; 44]. Câu ca dao ý nói, bầu và bí là hai loại cây khác nhau, hai cái riêng nhưng lại có phương thức sống giống nhau: cùng lấy chất dinh dưỡng trong đất, trong không khí để nuôi cơ thể, và đặc biệt là cùng chung một giàn.

\* *Bản chất và hiện tượng*

Khi thể hiện mối quan hệ giữa bản chất và hiện tượng, người Việt Nam thể hiện dưới nhiều góc độ rất thực tế và linh hoạt. Ca dao, tục ngữ khẳng định: bản chất bộc lộ qua hiện tượng: *Chim khôn kêu tiếng rảnh rang/Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe* [2; 66]. Nhưng hiện tượng không phải bao giờ cũng thể hiện đúng bản chất mà đôi khi nó xuyên tạc bản chất: *Xanh vỏ, đỏ lòng* [4; 288]; *Xấu chữ nhưng lành nghĩa* [2; 207]; *Ngoài thì thơn thớt nói cười/Bên trong nham hiểm giết người không dao* [4; 150]. Hiện tượng khác nhau nhưng bản chất chỉ là một: *Khác lọ cùng một nước* [4; 142]. Cái bề ngoài thì dễ thấy nhưng cái bên trong thì khó mà thấy: *Họa hổ họa bì nan họa cốt, tri nhân tri diện bất tri tâm* [2; 100]. Phải cảnh giác với những hiện tượng xuyên tạc bản chất *Tắm ngấm tắm ngấm mà dẫm chết voi* [4; 160].

\* *Nội dung và hình thức*

Ca dao, tục ngữ đã khẳng định mọi sự vật, hiện tượng được biểu hiện ra bên ngoài là sự thống nhất giữa nội dung và hình thức.

- Nội dung và hình thức luôn gắn bó chặt chẽ với nhau trong một thể thống nhất.

+ Không có hình thức nào thuần túy không chứa đựng nội dung, cũng không có nội dung nào lại không tồn tại trong một hình thức xác định. Nội dung nào hình thức ấy: *Người khôn con mắt đen sì/Người dại con mắt nửa chì nửa thau* [2; 138]; *Người khôn tiếng nói cũng thanh /Chuông kêu khê đánh bên thành cũng kêu* [2; 139].

+ Nội dung và hình thức không tồn tại tách rời nhau nhưng không phải vì thế mà lúc nào nội dung và hình thức cũng phù hợp với nhau: *Chớ thấy áo rách mà cười/Những giống gà nòi, lông nó lơ thơ* [2; 57]; *Áo dài chớ tưởng là sang/Bởi không áo ngắn phải mang áo dài* [2; 33]; *Học hành ba chữ lem nhem /Thấy gái thì thèm như chửa thềm chua* [2; 101].

- Nội dung giữ vai trò quyết định đối với hình thức trong quá trình vận động và phát triển của sự vật. Nội dung có xu hướng thường xuyên biến đổi còn hình thức thì tương đối ổn định. Sự biến đổi của nội dung làm cho hình thức phải biến đổi phù hợp với nội dung. Vì thế, trong nhận thức và hoạt động thực tiễn, cha ông ta luôn đánh giá vai trò của nội dung cao hơn hình thức: *Tốt gỗ hơn tốt nước sơn/Xấu người đẹp nét, còn hơn đẹp người* [2; 187] hay *Rượu ngon chẳng quản be sành/Áo rách khéo vá hơn lành vụng may* [2; 165].

\* *Nguyên nhân và kết quả*

Chẳng hạn, khi giảng viên giảng về cặp phạm trù nguyên nhân - kết quả: Nguyên nhân luôn có trước kết quả, kết quả chỉ xuất hiện sau khi có nguyên nhân. Điều này thể hiện qua câu ca dao, tục ngữ: *Cháy rừng bởi chung tỳ lửa* [1; 168] hay *Nguồn đục thì dòng cũng đục* [2; 140]. Bên cạnh đó, quan niệm về mối liên hệ nhân quả cũng được thể hiện rất sâu sắc trong ca dao, tục ngữ: *Gieo gió gặt bão* [2; 95]; *Đời cha trồng cây/Đời con ăn quả* [1; 116]

\* *Tất nhiên và ngẫu nhiên*

Cái tất nhiên bao giờ cũng biểu hiện sự tồn tại của mình thông qua vô số cái ngẫu nhiên. *Tình cờ gặp mình anh đây/Như cá gặp nước như mây gặp rồng* [1; 200]. Câu ca dao trên nói đến hai đối tượng: một nam, một nữ. Sự gặp gỡ của hai người là điều ngẫu nhiên nhưng sự hòa hợp với nhau là điều tất nhiên. Tuy nhiên, cái tất nhiên này cũng không phải tự nhiên mà

có mà nó là sự tổng hợp của rất nhiều những yếu tố khác, ngẫu nhiên nó lại biểu hiện những nét tương đồng, hòa hợp ngay từ ngày đầu tiên gặp nhau: từ ánh mắt, lời nói, đến cử chỉ, thái độ ngẫu nhiên lại có sự ăn nhập với nhau. Vì những lẽ ngẫu nhiên này mà tất nhiên là họ phải lòng nhau: “Như cá gặp nước như mây gặp rồng”. Cái ngẫu nhiên là hình thức biểu hiện của cái tất nhiên đồng thời là cái bổ sung cho cái tất nhiên.

Sự chuyển hóa giữa tất nhiên và ngẫu nhiên còn ở chỗ: sự vật, hiện tượng trong mối quan hệ này, xét trong mặt này thì là ngẫu nhiên nhưng xét trong mối quan hệ khác, trong mặt khác lại là tất nhiên. *Ớt nào là ớt chẳng cay/Gái nào là gái chẳng hay ghen chồng* [1; 403] hay *Vôi nào là vôi chẳng nong/Gái nào là gái có chồng chẳng ghen* [1; 418]. “Cay”, “nong” là thuộc tính khách quan, là đặc tính tất yếu của ớt, của vôi. Tuy nhiên, nếu xét đến sự đa dạng sinh học thì “cay”, “nong” ngẫu nhiên là đặc điểm của “ớt” của “vôi”. “Ớt” và “vôi” ngẫu nhiên có đặc tính “cay” và “nong” mà tạo hóa ban tặng chứ không phải là đặc tính “ngọt” hay “chua”. Mà ngọt và chua lại là đặc tính của sự vật khác.

*\* Khả năng và hiện thực*

Khả năng và hiện thực tồn tại trong mối quan hệ chặt chẽ với nhau, không tách rời nhau, thường xuyên chuyển hóa lẫn nhau trong quá trình phát triển của sự vật: *Em ơi, chị bảo em này/Trúng chọi với đá có ngày vỡ tan* [2; 86]; *Chẳng thiêng ai gọi là thần/Lời ngang đường tắt chẳng gần ai đi* [2; 55]; *Cau già khéo bỏ thì non/Nạ dòng trang điểm lại giòn hơn xưa* [2; 60]. Trong những điều kiện mới thì sự vật có thể xuất hiện thêm những khả năng mới, đồng thời bản thân mỗi khả năng cũng thay đổi theo sự thay đổi của điều kiện *Muốn đến sớm đi đường vòng*. Câu tục ngữ mang những khả năng trái ngược nhau, có thể ở người này, ở hoàn cảnh này chúng vô lý, không thể trở thành hiện thực; nhưng ở người khác trong hoàn cảnh khác chúng lại trở thành có lý, hoàn toàn có thể trở thành hiện thực.

4.2.3. *Các quy luật*

*\* Quy luật Lượng - Chất*

Mối quan hệ giữa số lượng và chất lượng được tục ngữ thể hiện khá phong phú và sinh động, tuy không phải dùng đến khái niệm “Chất, lượng, độ, thuộc tính” như triết học. Phân biệt chất khác nhau được tạo nên bởi những thuộc tính khác nhau: *Chẳng chua cũng thể là chanh/Chẳng ngọt cũng thể cam sành chín cây* [1; 101]. Qua câu trên sinh viên sẽ hiểu rõ hơn thế nào là “Chất” phân biệt sự khác nhau giữa sự vật, hiện tượng này với sự vật hiện tượng khác phải căn cứ vào thuộc tính vốn có của nó. Sự khác nhau về chất giữa các sự vật hiện tượng còn quy định bởi phương thức liên kết riêng quy định bản chất của nó so với sự vật khác, chất khác nhau tạo ra những giá trị khác nhau: *Trăng mờ còn tỏ hơn sao, dẫu rằng núi nở còn cao hơn đồi* [2; 191]. Không thể lấy lượng thay chất được dù rằng lượng đó gấp bao nhiêu lần: *Trăm đom đóm không bằng bó đuốc, trăm hòm chỉ chẳng đúc lên chuông* [2; 191]. Chất bao giờ cũng được coi trọng hơn lượng. *Văn hay chẳng lọ dài dòng* [1; 411]... và rất nhiều câu diễn tả sự thay đổi về lượng khi “vượt độ” sẽ dẫn đến sự thay đổi về chất: *Quá mù ra mưa* [2; 158]; *Tốt quá hoá lớp* [2; 186]; *Góp gió thành bão, góp cây nên rừng* [1; 95]... Đặc biệt, có câu thể hiện sự chuyển hoá lẫn nhau giữa khái niệm lượng và khái niệm chất: *Gò với núi cũng kể loài cao, bể với ao cũng kể loài thấp* [1; 94].

*\* Quy luật phủ định của phủ định*

Khi giảng về quy luật phủ định của phủ định, triết học Mác - Lênin khẳng định sự vật trong quá trình phát triển là sự thay thế lẫn nhau của sự vật này bằng sự vật khác, sự vật hiện tượng được thực hiện bằng hai lần phủ định trở nên và trong quá trình phủ định biện chứng, sự vật luôn mang tính khách quan và kế thừa: *Sinh, lão, bệnh, tử [1; 144]; Không có lửa sao có khói [2; 111]; Con nhà tông chẳng giống lông cũng giống cánh [2; 62]; Cha nào con nấy [2; 53]... hoặc ca dao: Trứng rồng lại nở ra rồng/Liu điu lại nở ra dòng liu điu/Con vua thì lại làm vua/Con sãi ở chùa thì quét lá đũa/Bao giờ dân nổi can qua/Con vua thất thế lại ra quét chùa [4; 179].*

*\* Quy luật mâu thuẫn*

Thể hiện sự thống nhất mâu thuẫn giữa các mặt đối lập cùng tồn tại trong sự vật, hiện tượng: *Thót trên mòn, thót dưới cũng mòn/Được mùa mua, thua mùa bán [2; 184].* Triết lý biện chứng thể hiện ở sự khẳng định những mặt đối lập có khuynh hướng biến đổi trái ngược nhau cùng tồn tại thống nhất với nhau trong cùng một sự vật, hiện tượng: *Bàn tay có ngón dài ngón ngắn/Con một nhà có đũa trắng đũa đen [2; 43] hay Hoài hơi mà đám bị bông/Đám được bên nọ, nó phồng bên kia [2; 99].* Mọi sự vật hiện tượng luôn tồn tại trong sự thống nhất mâu thuẫn giữa các mặt đối lập. Đó chính là triết lý biện chứng mang tính khách quan, phổ biến trong mọi sự vật, hiện tượng.

*4.2.4. Vận dụng phần lý luận nhận thức của phép biện chứng duy vật*

Phép biện chứng duy vật khẳng định nhận thức là một quá trình phản ánh năng động, sáng tạo thế giới khách quan vào đầu óc con người; nhận thức phải xuất phát từ thực tiễn. Thực tiễn đóng vai trò là nguồn gốc, cơ sở, động lực, là tiêu chuẩn để kiểm tra nhận thức. Quá trình nhận thức bao giờ cũng bắt đầu từ trực quan sinh động (nhận thức cảm tính) đến tư duy trừu tượng (nhận thức lý tính) và từ tư duy trừu tượng đi đến thực tiễn. Ca dao, tục ngữ Việt Nam là kết quả lao động sáng tạo, thể hiện những triết lý sâu sắc được đúc rút từ thực tiễn của cha ông ta, cũng tuân theo con đường nhận thức mà triết học Mác - Lênin vạch ra: *Lửa thử vàng, gian nan thử đức [1;128] ; Có gió rung mới biết từng bách cứng/Có ngọn lửa hừng mới biết thức vàng ca [2; 58].*

***4.3. Vận dụng ca dao, tục ngữ minh họa cho phần chương 3 chủ nghĩa duy vật lịch sử***

Từ việc thấu hiểu triết lý về sự vận động, biến đổi của sự vật, hiện tượng, thông qua ca dao, tục ngữ, cha ông ta còn đúc rút được kinh nghiệm trong cuộc sống. Đó là sự khẳng định vai trò to lớn của lao động đối với cuộc sống con người. *Muốn no thì phải chăm làm, Một hạt thóc vàng, chín hạt mồ hôi [2; 131] hay Có vất vả mới thanh nhàn, Không đưng ai dễ cầm tàn che cho [2; 60].*

Ngoài ra, nói đến lao động thì không thể không nói đến công cụ lao động, yếu tố quan trọng của lực lượng sản xuất. Ca dao, tục ngữ đề cao vai trò của công cụ lao động. Thông qua quá trình lao động sản xuất mà con người đã đúc rút được những kinh nghiệm để chế tạo những công cụ lao động phù hợp với từng công việc sản xuất: *Gỗ kê anh để đóng cày, Gỗ lim, gỗ sến, anh nay đóng bừa [4, 155]... Lao động của con người là lao động có mục đích, có ý nghĩa nên loài người đã chinh phục thiên nhiên, bắt thiên nhiên phục vụ cho mục đích của*

minh. Con người còn biết sáng chế công cụ, cải tạo kỹ thuật canh tác như: *Răng bừa tám cái còn thừa/Lưỡi cày tám tác đã vừa luống to/Muốn cho lúa này bông to/Cày sâu, bừa kỹ, phân tro cho nhiều* [4; 143]...

### 5. Thảo luận

Để tăng cường việc sử dụng ca dao, tục ngữ trong giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực của ca dao, tục ngữ ở nước ta hiện nay chúng ta cần:

*Thứ nhất:* Xây dựng môi trường học đường nhân văn. Để phát huy vai trò của tri thức khoa học nói chung và ca dao, tục ngữ nói riêng trước hết chúng ta cần phải xây dựng một môi trường nhân văn theo tiêu chí nhà trường thân thiện, học sinh tích cực. Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo. Phải làm thế nào để có người thầy mẫu mực, không những có chuyên môn sâu mà phải có phẩm chất tốt, là tấm gương sáng trong giáo dục truyền thống cho sinh viên. Khi xây dựng môi trường văn hóa học đường trong sáng, lành mạnh, có kỷ luật, kỷ cương thì sinh viên sẽ có ý thức hơn trong việc học tập và có ý chí vươn lên, rèn luyện tự giác để hoàn thiện bản thân như vậy sinh viên mới quan tâm đến khoa học nói chung và ca dao, tục ngữ nói riêng. Hơn nữa, mỗi sinh viên phải nhận thức được sâu sắc về nghĩa vụ và trách nhiệm của bản thân trong việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Ngược lại, nếu sinh viên lười biếng, thiếu ý thức không chịu tu dưỡng, thiếu trách nhiệm thì sẽ rơi vào trạng thái vô cảm với truyền thống, không quan tâm đến tu dưỡng, rèn luyện và hoàn thiện bản thân. Từ đó, các em sẽ thiếu trách nhiệm, thiếu ý thức trong việc thực hiện bảo tồn và phát huy, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc theo quan điểm của Đảng trong giai đoạn hiện nay.

*Thứ hai:* Đẩy mạnh, nâng cao chất lượng các cuộc thi tìm hiểu về giá trị của ca dao, tục ngữ Việt Nam trong nhà trường. Nhà trường nên phát động nhiều cuộc thi tìm hiểu về ca dao, tục ngữ gắn với các ngày lễ lớn trong năm, chẳng hạn chủ đề Ngày Gia đình Việt Nam, hay Ngày của Cha, Ngày của Mẹ (8/3; 20/10) lấy chủ đề như “Triết lý về đạo hiếu trong ca dao, tục ngữ Việt Nam”; ngày nhà giáo Việt Nam: “Triết lý về đạo thầy trò”... Qua mỗi cuộc thi cần phải phân loại đánh giá, khen thưởng cho các bài thi đạt kết quả tốt; có như vậy mới khơi dậy, kích thích niềm đam mê, sáng tạo, giáo dục truyền thống cho mỗi sinh viên. Trên cơ sở đó giúp người học hiểu và vận dụng các giá trị tích cực đó vào cuộc sống.

### 6. Kết luận

Ca dao, tục ngữ là một kho tàng kinh nghiệm được đúc kết từ ngàn đời nay của ông cha ta. Với đặc điểm dễ nhớ, dễ hiểu và dễ đi vào lòng người, giảng viên có thể sử dụng ca dao, tục ngữ vào minh họa một số kiến thức triết học Mác - Lênin được cho là khó và trừu tượng đối với sinh viên. Tác giả cũng đã phác họa quy trình cũng như cách thức lựa chọn và sử dụng ca dao, tục ngữ vào giảng dạy kiến thức phần triết học Mác - Lênin cho sinh viên, thông qua đó góp phần khơi dậy niềm say mê học tập môn học, tăng cường khả năng liên hệ, phân tích, vận dụng tư tưởng triết học vào thực tiễn cuộc sống cho sinh viên. Việc vận dụng ca dao, tục ngữ vào dạy - học triết học là việc làm thiết thực, có ý nghĩa rất lớn. Nó mở ra một hướng đi mới trong việc học tập và giảng dạy những môn học mang tính chất lý luận như triết học. Đây là một hướng đi hết sức khả quan, cần được quan tâm nghiên cứu giúp nâng cao hiệu quả,



chất lượng giáo dục: vừa tiếp thu tri thức khoa học của nhân loại nhưng không ngừng phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, nhằm hướng tới một mục tiêu xa hơn, đó là: Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiến tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc. Từ đó làm phát huy tính tích cực, chủ động, tự giác của người học, giúp nâng cao chất lượng giáo dục.

#### Tài liệu tham khảo

- [1]. Nguyễn Nghĩa Dân (2000), *Đạo làm người trong tục ngữ, ca dao Việt Nam*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
- [2]. Nguyễn Nghĩa Dân (2015), *999 lời tục ngữ - ca dao Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [3]. Đặng Hà (2014), *Thành ngữ - tục ngữ - ca dao - dân ca Việt Nam*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [4]. Nguyễn Ngọc Hà (2014), *Tục ngữ ca dao Việt Nam*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [5]. Xuân Tùng (2008), *Tục ngữ, ca dao Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [6]. Hoàng Thúc Lâm (chủ biên, 2017), *Triết lý nhân sinh trong tục ngữ, ca dao Việt Nam*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

**VẬN DỤNG CA DAO, TỤC NGŨ VÀO GIẢNG DẠY  
MÔN TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN Ở CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG,  
ĐẠI HỌC**

**Hoàng Thị Thảo<sup>a</sup>**

**Vũ Hoàng Oanh<sup>b</sup>**

<sup>a</sup>Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Email: [hoangthithao@dvttdt.edu.vn](mailto:hoangthithao@dvttdt.edu.vn)

<sup>b</sup>Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Email: [vuhoangoanh@dvttdt.edu.vn](mailto:vuhoangoanh@dvttdt.edu.vn)

Ngày nhận bài: 10/01/2022

Ngày phản biện: 11/01/2022

Ngày tác giả sửa: 13/01/2022

Ngày duyệt đăng: 18/01/2022

Ngày phát hành: 25/01/2022

*Vận dụng ca dao, tục ngữ trong giảng dạy là một phương pháp cơ bản, cần thiết nhằm gắn lý luận với thực tiễn, giảm bớt tính trừu tượng khó hiểu, giúp sinh viên nắm bắt được những tri thức của triết học một cách sinh động nhất. Qua đó, làm tăng thêm sức thuyết phục và giá trị của môn Triết học Mác - Lênin đối với sinh viên; kích thích sự hứng thú, say mê nghiên cứu và học tập môn học này. Khẳng định giá trị thực tiễn, sự gắn bó chặt chẽ của triết học đối với đời sống con người; cung cấp cho sinh viên một phương pháp khoa học, nâng cao năng lực nhận thức và cải tạo hiện thực xã hội.*

**Từ khóa:** Ca dao, tục ngữ; vận dụng trong giảng dạy; môn Triết học Mác - Lênin.